

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi Nêu cứu hộ sơ việc dân sự thụ lý số: 504/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Ngô Hải N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Ấp ĐTB, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Ngô Hải N kết hôn vào ngày 11/8/2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TD cấp giấy chứng nhận vào ngày 06/9/2013. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong tính cách và đã ly thân cho đến nay. Nay anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị thỏa thuận giao Phạm Nhật Q, sinh ngày 11/7/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[3] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh chị xác định không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Ngô Hải N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh, chị thoả thuận giao con chung Phạm Nhật Q (nam), sinh ngày 11/7/2014 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh chị xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn T và chị Ngô Hải N mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng anh T được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng tại biên lai số 0011209 ngày 26/10/2020 và chị N được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng tại biên lai số 0011208 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh T và chị N mỗi người được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã TD;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Biện Thị Nhung